ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Số: 102 /QĐ-ĐHSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả thi Kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 14/01/2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐT ngày 09/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Tin học trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Tờ trình ngày 24/01/2024 của Trung tâm Tin học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc đề nghị phê duyệt kết quả thi Kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 14/01/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tin học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi Kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 14/01/2024 của Trung tâm Tin học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

(Danh sách kết quả thi kèm theo)

Điều 2. Giao Giám đốc Trung tâm tin học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng thực hiện việc cấp chứng chỉ cho các thí sinh đạt yêu cầu; công khai thông tin về danh sách thí sinh được cấp chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của Trung tâm theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị liên quan và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đại học Đà Nẵng (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, TTTH.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS. TS. Võ Văn Minh

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI
KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA THI NGÀY 14/01/2024

(Kèm theo Quyết định số 102 /QĐ-ĐHSP ngày 24 tháng 01 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
1	UED01.001	Ating Thị	Á	05/10/2003	Quảng Nam	6,00	8,50	Đạt
2	UED01.002	Võ Hồ Xuân	An	29/5/2003	Đà Nẵng	8,00	7,50	Đạt
3	UED01.003	Đoàn Thị Lan	Anh	28/3/2002	Hưng Yên	7,33	5,00	Đạt
4	UED01.004	Nguyễn Thị Phương	Anh	11/4/1995	Quảng Nam	6,67	5,00	Đạt
5	UED01.005	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	07/3/2000	Nghệ An	9,00	7,50	Đạt
6	UED01.006	Lê Trần Vân	Anh	05/6/2003	Đà Nẵng	7,67	6,00	Đạt
7	UED01.007	Hoàng Vũ Linh	Anh	07/9/2003	Quảng Trị	8,33	9,00	Đạt
8	UED01.008	Phạm Thị Quỳnh	Anh	13/3/2004	Đà Nẵng	8,33	9,00	Đạt
9	UED01.009	Phạm Minh	Anh	04/6/2003	Quảng Nam	7,67	8,00	Đạt
10	UED01.010	Nguyễn Ngọc	Bảo	08/3/2002	Quảng Nam	6,33	5,50	Đạt
11	UED01.011	Hoàng Thị Thanh	Bình	25/10/2001	Kon Tum	6,33	5,50	Đạt
12	UED01.012	Chanthavisouk	Bouasavanh	07/10/1999	Lào	6,00	4,00	*Không đạt*
13	UED01.013	Lê Văn	Công	23/11/2001	Đà Nẵng	6,33	8,00	Đạt
14	UED01.014	Rapát Thị	Cúc	21/01/2004	Quảng Nam	8,67	9,50	Đạt
15	UED01.015	Huỳnh Thị Kiều	Diễm	20/01/2002	Đà Nẵng	4,67	5,50	*Không đạt*
16	UED01.016	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	12/8/2002	Quảng Nam	7,67	6,00	Đạt
17	UED01.017	Đinh Thị	Diễm	02/8/1993	Đà Nẵng	5,00	6,00	Đạt
18	UED01.018	Ksor	Dịu	11/12/2002	Gia Lai	9,00	9,00	Đạt
19	UED01.019	Hồ Văn Quốc	Doanh	05/02/2003	Bình Định	7,33	7,50	Đạt
20	UED01.020	Hoàng Kim	Dung	07/8/2003	Bình Phước	9,00	9,00	Đạt
21	UED01.021	Phạm Cao Thảo	Duyên	01/01/2004	Quảng Ngãi	7,00	8,50	Đạt
22	UED01.022	Phan Thị Thùy	Dương	25/5/2002	Quảng Trị	8,33	4,00	*Không đạt*
23	UED01.023	Phạm Thị Bích	Đào	23/5/2002	Kon Tum	8,67	9,50	Đạt
24	UED01.024	Ngô Thị	Đạo	05/4/1990	Thanh Hóa	6,00	7,00	Đạt
25	UED01.025	Lê Nguyễn Hương	Giang	01/5/2003	Quảng Nam	8,33	10,00	Đạt
26	UED01.026	Hoàng Thị Trà	Giang	24/4/2003	Hà Tĩnh	7,33	8,00	Đạt
27	UED01.027	Trần Thị Trà	Giang	16/5/2002	Nghệ An	8,00	7,50	Đạt
28	UED01.028	Trần Quỳnh	Giao	15/01/2003	Đà Nẵng	8,33	10,00	Đạt
29	UED01.029	Nguyễn Thị Xuân	Giao	15/3/2003	Quảng Nam	8,67	7,50	Đạt
30	UED01.030	Lê Thị Diễm	Hà	23/5/2004	Quảng Nam	6,00	3,50	*Không đạt*
31	UED01.031	Nguyễn Thu	Hà	26/12/2003	Đà Nẵng	8,00	9,00	Đạt
32	UED01.032	Nguyễn Thị	Hạ	30/4/2003	Quảng Nam	8,67	9,50	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
33	UED01.033	Vương Thị	Hạ	02/6/2003	Quảng Nam	9,33	8,00	Đạt
34	UED01.034	Nguyễn Thị	Hải	25/02/2003	Thanh Hóa	6,67	8,00	Đạt
35	UED01.035	Nguyễn Thị Thanh	Hải	05/7/2002	Quảng Nam	6,00	3,00	*Không đạt*
36	UED01.036	Võ Thị Thu	Hạnh	20/5/2003	Quảng Nam	9,00	7,50	Đạt
37	UED01.037	Trương Thị	Hạnh	11/6/1996	Quảng Nam	5,67	9,50	Đạt
38	UED01.038	Cao Thị Mỹ	Hảo	03/7/2004	Thừa Thiên - Huế	7,67	8,50	Đạt
39	UED01.039	Huỳnh Thị	Hảo	20/11/1984	Thừa Thiên - Huế	7,33	7,50	Đạt
40	UED01.040	Lê Thị	Hằng	16/6/2003	Thanh Hóa	7,00	6,50	Đạt
41	UED01.041	Lê Thanh	Hằng	10/8/2004	Thanh Hóa	8,33	9,00	Đạt
42	UED01.042	Nguyễn Lê	Hân	08/4/2002	Lâm Đồng	9,00	9,00	Đạt
43	UED01.043	Nguyễn Thị	Hiền	13/9/2003	Nghệ An	7,00	7,50	Đạt
44	UED01.044	Nguyễn Thị	Hiền	21/9/2004	Nghệ An	5,33	7,50	Đạt
45	UED01.045	Bùi Thị Thu	Hiền	17/6/2002	Đà Nẵng	7,33	9,50	Đạt
46	UED01.046	Nguyễn Thị Thu	Hiền	06/10/2002	Đà Nẵng	7,67	8,50	Đạt
47	UED01.047	Trần Thị Thu	Hiền	15/10/2004	Ninh Bình	9,33	9,50	Đạt
48	UED01.048	Trịnh Thị	Hoa	13/3/2003	Thanh Hóa	7,00	6,50	Đạt
49	UED01.049	Võ Nguyễn Việt	Hoa	14/7/2004	Đà Nẵng	8,67	8,00	Đạt
50	UED01.050	Trịnh Huy	Hoàng	13/11/2004	Kon Tum	-	-	*Vắng thi*
51	UED01.051	Đinh Nguyễn Thanh	Hoàng	02/6/2002	Đà Nẵng	7,00	9,00	Đạt
52	UED01.052	Lê Thị	Hoàng	22/5/2001	Đà Nẵng	8,33	9,50	Đạt
53	UED01.053	Nguyễn Khánh	Hội	29/9/2003	Đà Nẵng	6,00	5,50	Đạt
54	UED01.054	Nguyễn Thy Thanh	Hồng	06/6/1995	Đà Nẵng	8,33	7,50	Đạt
55	UED01.055	Lê Đinh Thu	Hồng	24/4/2002	Khánh Hòa	7,33	8,50	Đạt
56	UED01.056	Đoàn Ngọc	Huân	16/10/2003	Đà Nẵng	9,00	10,00	Đạt
57	UED01.057	Nguyễn Thị	Huệ	20/7/2004	Đà Nẵng	9,00	8,00	Đạt
58	UED01.058	Trần Đặng Bích	Huệ	04/11/2003	Quảng Nam	8,00	8,00	Đạt
59	UED01.059	Vũ Trần Quang	Huy	24/11/2002	Đà Nẵng	6,67	7,50	Đạt
60	UED01.060	Trần Khánh	Huy	27/6/2002	Đà Nẵng	8,00	9,50	Đạt
61	UED01.061	Trần Khánh	Huy	09/10/2003	Đà Nẵng	-	-	*Vắng thi*
62	UED01.062	Phạm Thị Hồng	Huyên	27/01/2002	Đà Nẵng	7,00	9,00	Đạt
63	UED01.063	Võ Hoàng Kim	Huyền	26/01/2004	Khánh Hòa	7,33	8,00	Đạt
64	UED01.064	Lương Thị Kim	Huyền	08/11/2004	Quảng Nam	9,33	9,50	Đạt
65	UED01.065	Phan Thị Thu	Huyền	19/11/2005	Đắk Lắk	9,00	9,50	Đạt
66	UED01.066	Phan Ngọc	Huyền	03/5/2003	Đà Nẵng	7,67	8,00	Đạt
67	UED01.067	Huỳnh Thị Thanh	Huyền	08/7/2002	Đà Nẵng	5,00	5,00	Đạt
68	UED01.068	Tạ Thị Khánh	Huyền	30/12/2003	Đà Nẵng	9,33	10,00	Đạt
69	UED01.069	Nguyễn Thị Kim	Hương	20/02/2003	Quảng Nam	10,00	6,50	Đạt
70	UED01.070	Thái Thị	Hương	29/01/2004	Quảng Nam	9,00	8,50	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
71	UED01.071	Vanida	Inthachak	05/4/1999	Lào	7,33	7,50	Đạt
72	UED01.072	Phan	Japan	08/3/2002	Đà Nẵng	-	-	*Vắng thi*
73	UED01.073	Nguyễn Võ Ngọc	Kha	04/01/2003	Bình Định	8,00	8,50	Đạt
74	UED01.074	Nguyễn Văn	Kha	23/01/2002	Đà Nẵng	8,67	8,50	Đạt
75	UED01.075	Nguyễn Quang	Khải	12/7/2001	Gia Lai	9,33	9,50	Đạt
76	UED01.076	Trần Phạm Anh	Khoa	31/8/2003	Đà Nẵng	7,67	8,00	Đạt
77	UED01.077	Nguyễn Văn	Khôi	16/12/2005	Quảng Nam	9,00	9,50	Đạt
78	UED01.078	Trương Ngọc Sao	Khuê	06/01/2004	Đà Nẵng	8,33	7,50	Đạt
79	UED01.079	Huỳnh Kim	Kiệt	24/4/2002	Đà Nẵng	5,33	5,00	Đạt
80	UED01.080	Dương Thị Thúy	Kiều	28/3/2003	Hà Tĩnh	5,33	5,50	Đạt
81	UED01.081	Võ Hoàng	Kin	18/7/2003	Đà Nẵng	9,67	9,00	Đạt
82	UED01.082	Nguyễn Thị	Lam	08/3/2004	Nghệ An	8,33	8,50	Đạt
83	UED01.083	Lưu Thị Tiểu	Lan	15/02/1999	Quảng Nam	-	-	*Vắng thi*
84	UED01.084	Trương Thị	Lan	03/4/2002	Đà Nẵng	7,33	5,50	Đạt
85	UED01.085	Đặng Thị Thanh	Lan	05/5/1991	Đà Nẵng	6,00	8,00	Đạt
86	UED01.086	Phan Thị Tú	Lê	29/7/2000	Nghệ An	8,00	7,50	Đạt
87	UED01.087	Lê Thị	Liên	12/12/2001	Thanh Hóa	6,00	5,50	Đạt
88	UED01.088	Nguyễn Thị Hồng	Liên	03/10/2003	Đắk Lắk	7,00	7,50	Đạt
89	UED01.089	Mai Khánh	Linh	01/8/2003	Đà Nẵng	9,67	9,50	Đạt
90	UED01.090	Lục Thị Thùy	Linh	05/10/2002	Hà Tĩnh	6,00	9,00	Đạt
91	UED01.091	Trần Ngọc Khánh	Linh	19/01/2003	Đắk Lắk	7,00	5,50	Đạt
92	UED01.092	Nguyễn Thị Hoài	Linh	27/5/2002	Đà Nẵng	5,67	5,00	Đạt
93	UED01.093	Trần Thái Mỹ	Linh	29/01/2003	Đà Nẵng	-	-	*Vắng thi*
94	UED01.094	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/8/2003	Kon Tum	8,00	9,00	Đạt
95	UED01.095	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	01/02/2003	Quảng Nam	9,33	10,00	Đạt
96	UED01.096	Phan Linh	Linh	06/4/2002	Quảng Ngãi	8,00	9,50	Đạt
97	UED01.097	Đinh Hồng	Linh	20/3/2002	Quảng Bình	5,67	8,00	Đạt
98	UED01.098	Nguyễn Thị	Luyến	18/9/2003	Quảng Nam	5,67	9,00	Đạt
99	UED01.099	Nguyễn Quang	Lưu	27/12/2003	Gia Lai	9,00	9,00	Đạt
100	UED01.100	Lê Thị Thảo	Ly	11/12/2003	Quảng Nam	10,00	9,00	Đạt
101	UED01.101	Trần Thị Thảo	Ly	17/01/2000	Đà Nẵng	5,67	7,50	Đạt
102	UED01.102	Trịnh Khánh	Ly	01/8/2004	Đà Nẵng	9,00	6,50	Đạt
103	UED01.103	Trần Thị Cẩm	Ly	04/10/2002	Hà Tĩnh	7,67	9,00	Đạt
104	UED01.104	Lê Thị Khánh	Ly	07/10/2002	Quảng Trị	5,33	3,50	*Không đạt*
105	UED01.105	Trần Nguyễn Khánh	Ly	02/9/2004	Gia Lai	8,00	8,50	Đạt
106	UED01.106	Đặng Hoàng	Minh	26/10/2002	Quảng Nam	5,00	5,00	Đạt
107	UED01.107	Từ Quang	Minh	06/5/2004	Đà Nẵng	7,67	8,00	Đạt
108	UED01.108	Trần Đỗ Nhật	Minh	17/6/2004	Quảng Nam	8,33	8,50	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
109	UED01.109	Lê Đức	Minh	17/4/2002	Đà Nẵng	7,00	9,50	Đạt
110	UED01.110	Hoàng Trà	My	20/10/2003	Hà Tĩnh	7,33	9,50	Đạt
111	UED01.111	Nguyễn Thị Hoàng	My	12/6/2001	Đà Nẵng	9,00	9,50	Đạt
112	UED01.112	Hà Thị Hiền	My	13/9/2003	Quảng Nam	8,67	6,00	Đạt
113	UED01.113	Phan Nữ Lê	Na	29/3/2002	Quảng Bình	8,00	6,00	Đạt
114	UED01.114	Lê Thị	Na	26/7/2003	Quảng Nam	7,67	9,50	Đạt
115	UED01.115	Võ Thị	Nga	04/4/2003	Đà Nẵng	9,33	9,50	Đạt
116	UED01.116	Nguyễn Thị Thy	Nga	20/3/1988	Đà Nẵng	9,67	10,00	Đạt
117	UED01.117	Đặng Thị Thúy	Nga	26/7/2002	Đà Nẵng	7,33	8,00	Đạt
118	UED01.118	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	14/8/2003	Hà Tĩnh	10,00	9,00	Đạt
119	UED01.119	Trần Thị Kim	Ngân	04/10/2003	Quảng Nam	10,00	9,50	Đạt
120	UED01.120	Hoàng Thị	Nghĩa	08/3/2005	Nghệ An	8,00	9,00	Đạt
121	UED01.121	Nguyễn Hoài	Ngọc	27/4/2003	Đà Nẵng	7,33	9,00	Đạt
122	UED01.122	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	18/01/2003	Đà Nẵng	7,33	8,50	Đạt
123	UED01.123	Hoàng Sỹ	Ngọc	08/3/2002	Nghệ An	6,67	6,00	Đạt
124	UED01.124	Nguyễn Thanh	Nguyên	20/8/2003	Quảng Nam	9,67	9,50	Đạt
125	UED01.125	Đặng Phương	Nhi	05/12/2004	Hà Tĩnh	9,33	8,50	Đạt
126	UED01.126	Nguyễn Thị	Nhi	02/9/2003	Hà Tĩnh	9,00	8,00	Đạt
127	UED01.127	Ngô Trần Thảo	Nhi	01/11/2003	Đà Nẵng	8,00	9,50	Đạt
128	UED01.128	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	05/8/2003	Đà Nẵng	7,67	8,00	Đạt
129	UED01.129	Lê Thị Yến	Nhi	28/10/2002	Quảng Nam	7,67	9,00	Đạt
130	UED01.130	Alăng Thị Tuyết	Nhi	05/10/2003	Quảng Nam	8,33	9,50	Đạt
131	UED01.131	Nguyễn Tuyết	Nhi	10/10/2003	Đà Nẵng	8,33	8,00	Đạt
132	UED01.132	Hồ Thị Tuyết	Nhi	29/11/2003	Đà Nẵng	7,33	8,50	Đạt
133	UED01.133	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Nhi	10/3/2002	Đà Nẵng	7,33	10,00	Đạt
134	UED01.134	Trần Mẫn	Nhi	02/9/2003	Quảng Nam	9,33	8,50	Đạt
135	UED01.135	Tạ Ý	Nhi	16/3/2003	Đà Nẵng	9,67	8,00	Đạt
136	UED01.136	Phùng Thị Hồng	Nhung	03/5/2003	Đà Nẵng	9,00	10,00	Đạt
137	UED01.137	Phạm Thị Quỳnh	Nhung	01/6/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	7,67	9,50	Đạt
138	UED01.138	Ngô Thị	Nhung	04/3/2003	Hà Tĩnh	6,33	7,00	Đạt
139	UED01.139	Dương Hà	Như	08/3/2005	Hà Tĩnh	4,00	3,50	*Không đạt*
140	UED01.140	Trần Thị Tuyết	Như	17/6/2003	Gia Lai	7,00	9,00	Đạt
141	UED01.141	Võ Thị Ngọc	Như	28/10/2003	Đà Nẵng	9,00	10,00	Đạt
142	UED01.142	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	13/3/2004	Kon Tum	6,33	8,00	Đạt
143	UED01.143	Lê Trúc Quỳnh	Như	26/10/2003	Phú Yên	7,33	7,50	Đạt
144	UED01.144	Cao Thị Quỳnh	Như	01/5/2002	Quảng Nam	6,33	9,50	Đạt
145	UED01.145	Nguyễn Thị	Nữ	21/9/2004	Quảng Nam	6,67	10,00	Đạt
146	UED01.146	Võ Thị Kiều	Oanh	19/5/2002	Quảng Nam	8,00	10,00	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
147	UED01.147	Lê Đàm Phương	Oanh	26/3/2002	Đà Nẵng	7,67	9,50	Đạt
148	UED01.148	Lê Tán Nhất	Phong	05/7/1998	Đà Nẵng	9,33	9,50	Đạt
149	UED01.149	Đỗ Văn	Phong	13/10/2002	Đà Nẵng	4,67	3,00	*Không đạt*
150	UED01.150	Nguyễn Công	Phúc	14/01/2002	Quảng Ngãi	4,33	8,50	*Không đạt*
151	UED01.151	Đặng Thị Hồng	Phúc	27/4/2002	Đồng Nai	7,33	9,50	Đạt
152	UED01.152	Dương Hồng	Phúc	17/7/2005	Quảng Nam	8,33	9,50	Đạt
153	UED01.153	Trịnh Nhật Y	Phụng	27/9/2003	Quảng Nam	7,33	7,00	Đạt
154	UED01.154	Nguyễn Thị	Phước	01/9/2003	Quảng Nam	7,00	9,00	Đạt
155	UED01.155	Nguyễn Thị Thuý	Phương	02/6/1988	Quảng Trị	7,33	9,00	Đạt
156	UED01.156	Bùi Thanh	Phương	09/12/2002	Đà Nẵng	8,00	10,00	Đạt
157	UED01.157	Nguyễn Thị Lan	Phương	27/8/2003	Quảng Nam	9,67	10,00	Đạt
158	UED01.158	Lê Thị Ngọc	Phương	05/9/2003	Quảng Nam	7,67	10,00	Đạt
159	UED01.159	Huỳnh Hà Ngọc	Phương	20/6/2003	Đà Nẵng	9,67	10,00	Đạt
160	UED01.160	Mai Thu	Phương	14/8/2003	Quảng Bình	8,00	10,00	Đạt
161	UED01.161	Lê Lâm	Phương	03/6/2003	Đà Nẵng	6,33	9,50	Đạt
162	UED01.162	Nguyễn Thị Thanh	Phương	20/02/2004	Quảng Nam	6,67	10,00	Đạt
163	UED01.163	Nguyễn Thị Thu	Phương	11/11/2003	Kon Tum	9,67	10,00	Đạt
164	UED01.164	Nguyễn Ngọc Uyên	Phương	05/11/2003	Gia Lai	8,00	10,00	Đạt
165	UED01.165	Nguyễn Anh	Quân	18/8/2002	Đà Nẵng	8,67	10,00	Đạt
166	UED01.166	Phan Thị Nữ	Quý	12/02/2003	Quảng Nam	7,00	10,00	Đạt
167	UED01.167	Lê Ngọc Lệ	Quyên	26/10/2004	Quảng Ngãi	7,00	9,00	Đạt
168	UED01.168	Phạm Thị Ngọc	Quyên	27/4/2003	Đà Nẵng	8,00	10,00	Đạt
169	UED01.169	Trần Thị Mỹ	Quyên	03/11/2003	Quảng Nam	10,00	10,00	Đạt
170	UED01.170	Lê Thúy	Quỳnh	12/10/2005	Hà Tĩnh	6,33	6,00	Đạt
171	UED01.171	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	10/3/2003	Quảng Nam	8,67	10,00	Đạt
172	UED01.172	Nguyễn Như	Quỳnh	03/01/2002	Hà Tĩnh	5,00	9,00	Đạt
173	UED01.173	Nguyễn Như	Quỳnh	28/11/2002	Đà Nẵng	8,33	10,00	Đạt
174	UED01.174	Nguyễn Huỳnh Như	Quỳnh	29/6/2002	Đà Nẵng	7,67	9,50	Đạt
175	UED01.175	Lê Mai Diễm	Quỳnh	01/12/2003	Đà Nẵng	8,67	10,00	Đạt
176	UED01.176	Nguyễn Đan	Quỳnh	17/8/2003	Quảng Nam	9,00	10,00	Đạt
177	UED01.177	Lê Thị Hoàng	Sâm	30/3/2003	Quảng Nam	8,33	10,00	Đạt
178	UED01.178	Võ Tiến	Sĩ	10/9/2002	Gia Lai	7,00	6,00	Đạt
179	UED01.179	Keosoulita	Singdalanikone	27/9/1999	Lào	5,00	9,00	Đạt
180	UED01.180	Dương Thị Hồng	Sương	16/3/2003	Quảng Bình	7,67	9,50	Đạt
181	UED01.181	Nguyễn Thị Băng	Tâm	03/8/2003	Gia Lai	7,33	9,00	Đạt
182	UED01.182	Hồ Thị Ngọc	Tâm	19/10/2003	Đà Nẵng	9,67	10,00	Đạt
183	UED01.183	Lê Trần Quốc	Tâm	10/12/2002	Đà Nẵng	5,33	9,50	Đạt
184	UED01.184	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	23/7/2004	Hà Tĩnh	8,00	10,00	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
185	UED01.185	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	23/8/2003	Đà Nẵng	6,00	5,50	Đạt
186	UED01.186	Nguyễn Thanh	Thảng	30/9/2001	Cà Mau	4,67	5,00	*Không đạt*
187	UED01.187	Lê Thị	Thanh	29/9/2002	Quảng Nam	8,00	10,00	Đạt
188	UED01.188	Nguyễn Thị	Thanh	25/8/2002	Nghệ An	8,00	6,50	Đạt
189	UED01.189	Nguyễn Thị Lệ	Thanh	20/01/2003	Đà Nẵng	7,67	10,00	Đạt
190	UED01.190	Nguyễn Thị Phương	Thanh	14/12/2003	Quảng Nam	4,33	7,00	*Không đạt*
191	UED01.191	Trần Thị	Thanh	20/6/1984	Nghệ An	5,67	7,50	Đạt
192	UED01.192	Trần Thị Thanh	Thanh	13/10/2003	Đà Nẵng	6,33	9,00	Đạt
193	UED01.193	Phạm Tuấn	Thành	25/6/2001	Nghệ An	8,00	9,00	Đạt
194	UED01.194	Võ Thị	Thảo	02/10/2000	Hà Tĩnh	8,33	8,50	Đạt
195	UED01.195	Hoàng Thị	Thảo	16/10/2002	Quảng Nam	6,00	5,50	Đạt
196	UED01.196	Nguyễn Trần Thạch	Thảo	17/5/2003	Quảng Nam	8,67	9,50	Đạt
197	UED01.197	Hồ Thị Thanh	Thảo	22/10/2004	Bình Định	8,00	9,50	Đạt
198	UED01.198	Trịnh Thị Thu	Thảo	04/6/2004	Quảng Nam	8,00	10,00	Đạt
199	UED01.199	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/01/2003	Quảng Nam	10,00	10,00	Đạt
200	UED01.200	Đặng Thị Phương	Thảo	01/02/2003	Quảng Trị	8,00	10,00	Đạt
201	UED01.201	Phạm Mai Phương	Thảo	01/4/2004	Đà Nẵng	7,67	9,00	Đạt
202	UED01.202	Quế Thị Phương	Thảo	23/5/2004	Nghệ An	9,00	8,00	Đạt
203	UED01.203	Bùi Thị Ngọc	Thắm	17/01/2003	Đắk Lắk	6,33	10,00	Đạt
204	UED01.204	Nguyễn Trần Anh	Thi	09/6/2003	Bình Định	5,33	9,00	Đạt
205	UED01.205	Trà Nhật	Thiên	01/3/2002	Quảng Nam	7,33	5,50	Đạt
206	UED01.206	Đặng Thị Bích	Thuận	26/11/2003	Đà Nẵng	8,67	8,50	Đạt
207	UED01.207	Lê Hoàng Quang	Thuận	13/02/2004	Thừa Thiên - Huế	7,67	7,00	Đạt
208	UED01.208	Nguyễn Thị	Thuận	13/10/2003	Quảng Nam	9,00	9,00	Đạt
209	UED01.209	Lê Ngọc	Thuận	17/5/2002	Quảng Nam	8,00	8,00	Đạt
210	UED01.210	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	08/7/2002	Thái Bình	6,33	5,50	Đạt
211	UED01.211	Trần Thị Thanh	Thúy	06/10/2003	Bình Định	8,67	10,00	Đạt
212	UED01.212	Đặng Trần Đoan	Thùy	23/01/2005	Đà Nẵng	9,00	9,00	Đạt
213	UED01.213	Lê Trần Kim	Thùy	28/8/2002	Bình Định	7,67	3,50	*Không đạt*
214	UED01.214	Nguyễn Thị	Thùy	21/02/2003	Nghệ An	9,00	8,50	Đạt
215	UED01.215	Lê Thị Thu	Thủy	18/8/2000	Đà Nẵng	6,00	6,50	Đạt
216	UED01.216	Nguyễn Ngọc Anh	Thuyên	20/3/2003	Đà Nẵng	7,33	5,00	Đạt
217	UED01.217	Trần Thị Anh	Thư	01/01/2003	Quảng Nam	7,33	7,00	Đạt
218	UED01.218	Hoàng Thị Anh	Thư	20/10/2002	Hà Tĩnh	5,00	6,00	Đạt
219	UED01.219	Nguyễn Thị Anh	Thư	12/6/2003	Nghệ An	10,00	9,50	Đạt
220	UED01.220	Zơ Râm Thị	Thư	08/3/2003	Quảng Nam	6,00	7,50	Đạt
221	UED01.221	Lê Thị Kim	Thức	29/12/2003	Quảng Nam	7,33	7,50	Đạt
222	UED01.222	Võ Thương	Thương	15/8/2002	Quảng Ngãi	7,33	9,00	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
223	UED01.223	Phan Huỳnh Khánh	Thương	30/9/2004	Phú Yên	7,33	6,00	Đạt
224	UED01.224	Lê Nguyễn Thanh	Thương	22/4/2003	Đà Nẵng	5,67	7,50	Đạt
225	UED01.225	Nguyễn Thị Khánh	Tiên	16/01/2002	Quảng Nam	8,00	9,00	Đạt
226	UED01.226	Đậu Hồ Thủy	Tiên	05/10/2003	Hà Tĩnh	7,33	8,00	Đạt
227	UED01.227	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	30/10/2003	Quảng Nam	8,67	9,50	Đạt
228	UED01.228	Tạ Thị	Tiên	23/8/2003	Nghệ An	7,67	9,50	Đạt
229	UED01.229	Nguyễn Hữu	Tiến	05/10/1994	Quảng Ngãi	10,00	10,00	Đạt
230	UED01.230	Zơ Râm Thị	Tiêu	10/01/2003	Quảng Nam	8,33	6,50	Đạt
231	UED01.231	Nguyễn Lê Hàm	Tiếu	28/9/2003	Bình Dương	8,67	10,00	Đạt
232	UED01.232	Trần Trung	Tín	12/12/2001	Bình Định	7,00	8,00	Đạt
233	UED01.233	Lê Thị	Tình	10/10/2002	Gia Lai	9,33	7,50	Đạt
234	UED01.234	Lê Thị Thanh	Tình	20/01/2002	Quảng Nam	9,00	8,50	Đạt
235	UED01.235	Huỳnh Văn	Toàn	07/11/2002	Quảng Nam	7,00	7,50	Đạt
236	UED01.236	Nguyễn Trương Thanh	Trà	01/5/2002	Đà Nẵng	7,33	9,50	Đạt
237	UED01.237	Nguyễn Thị Thanh	Trà	04/9/2003	Đà Nẵng	7,00	8,50	Đạt
238	UED01.238	Nguyễn Thị Hương	Trà	11/8/2003	Gia Lai	8,00	8,50	Đạt
239	UED01.239	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/6/2002	Kon Tum	5,33	5,00	Đạt
240	UED01.240	Ngô Dương Thùy	Trang	06/3/2003	Đà Nẵng	6,33	7,50	Đạt
241	UED01.241	Trần Thị Thu	Trang	13/9/2003	Đà Nẵng	9,67	9,50	Đạt
242	UED01.242	Huỳnh Thị Việt	Trang	25/4/2002	Đà Nẵng	6,33	5,50	Đạt
243	UED01.243	Lê Thị	Trang	05/4/2004	Đà Nẵng	8,33	7,50	Đạt
244	UED01.244	Nguyễn Thị Thảo	Trang	22/3/1991	Đà Nẵng	10,00	5,50	Đạt
245	UED01.245	Nguyễn Hoàng Thanh	Trâm	18/8/2003	Đà Nẵng	9,00	9,00	Đạt
246	UED01.246	Huỳnh Trần Ngọc	Trâm	11/3/2003	Đà Nẵng	4,33	7,00	*Không đạt*
247	UED01.247	Hà Ngọc	Trâm	04/4/2003	Đà Nẵng	7,33	7,50	Đạt
248	UED01.248	Hồ Ngọc Thùy	Trâm	01/11/2003	Đà Nẵng	9,33	10,00	Đạt
249	UED01.249	Trần Thị Huệ	Trâm	11/10/2003	Quảng Nam	8,00	3,50	*Không đạt*
250	UED01.250	Võ Ngọc Bảo	Trâm	21/9/2003	Đà Nẵng	6,00	8,50	Đạt
251	UED01.251	Ríah Thị	Trầm	19/4/2003	Quảng Nam	7,00	5,00	Đạt
252	UED01.252	Nguyễn Thị Bảo	Trân	09/4/2001	Quảng Nam	7,00	2,50	*Không đạt*
253	UED01.253	Đặng Thị Kiều	Trinh	01/8/2004	Đà Nẵng	9,00	7,00	Đạt
254	UED01.254	Nguyễn Châu Thùy	Trinh	18/01/2003	Đà Nẵng	8,00	9,00	Đạt
255	UED01.255	Hoàng Thị Lan	Trinh	31/5/2002	Quảng Nam	9,00	7,50	Đạt
256	UED01.256	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	27/9/2002	Đà Nẵng	3,00	1,50	*Không đạt*
257	UED01.257	Trần Thị	Trinh	26/02/1996	Đà Nẵng	9,00	4,00	*Không đạt*
258	UED01.258	Đỗ Trà	Trúc	23/6/2002	Quảng Nam	7,00	7,50	Đạt
259	UED01.259	Trần Lê Thanh	Trúc	07/10/2004	Quảng Nam	7,67	5,50	Đạt
260	UED01.260	Trần Nguyễn Thanh	Trúc	14/6/2002	Quảng Nam	7,67	5,00	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
261	UED01.261	Trần Thị Ngọc	Tú	10/01/2003	Nghệ An	7,67	5,50	Đạt
262	UED01.262	Nguyễn Thị Tú	Tú	05/5/2003	Quảng Bình	9,00	9,00	Đạt
263	UED01.263	Hoàng Minh	Tuấn	24/02/2000	Đắk Lắk	7,33	5,00	Đạt
264	UED01.264	Nguyễn Thanh	Tuấn	10/02/2002	Đà Nẵng	-	-	*Vắng thi*
265	UED01.265	Huỳnh Thanh	Tuấn	10/4/2000	Hồ Chí Minh	-	-	*Vắng thi*
266	UED01.266	Phan Thị Kim	Tuyền	27/3/2003	Quảng Nam	9,67	9,50	Đạt
267	UED01.267	Phạm Thị Ánh	Tuyết	15/12/2003	Quảng Nam	10,00	10,00	Đạt
268	UED01.268	Nguyễn Thị Kim	Uyên	28/11/2003	Đắk Lắk	7,33	3,50	*Không đạt*
269	UED01.269	Phan Thị Mỹ	Uyên	09/4/2004	Quảng Nam	7,33	7,50	Đạt
270	UED01.270	Hồ Thị Viết	Uyên	28/10/2004	Đà Nẵng	8,00	9,00	Đạt
271	UED01.271	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	03/8/2003	Đà Nẵng	7,33	8,00	Đạt
272	UED01.272	Brao	Uyên	19/01/2003	Quảng Nam	5,67	6,00	Đạt
273	UED01.273	Nguyễn Thị Kiều	Vân	05/9/2003	Quảng Nam	7,00	9,00	Đạt
274	UED01.274	Trần Thị Thanh	Vân	31/10/2003	Lâm Đồng	8,00	9,00	Đạt
275	UED01.275	Đặng Tường	Vân	10/01/2003	Lâm Đồng	9,67	8,00	Đạt
276	UED01.276	Lê Khánh	Vân	20/10/2002	Quảng Nam	5,67	7,50	Đạt
277	UED01.277	Nguyễn Thị Thanh	Vi	14/02/2002	Quảng Nam	5,33	2,00	*Không đạt*
278	UED01.278	Nguyễn Thị Tường	Vi	13/02/2004	Đà Nẵng	8,00	9,00	Đạt
279	UED01.279	Ngô Thị Nhã	Viên	18/10/2002	Quảng Nam	6,00	7,50	Đạt
280	UED01.280	Bùi Thị Hồng	Vy	20/8/2002	Quảng Bình	6,67	6,50	Đạt
281	UED01.281	Võ Ngọc Thảo	Vy	14/10/2004	Quảng Ngãi	7,00	8,00	Đạt
282	UED01.282	Đặng Thị Tường	Vy	28/11/2002	Quảng Nam	7,00	7,00	Đạt
283	UED01.283	Trần Phước Mai	Vy	15/4/1999	Đà Nẵng	8,00	8,50	Đạt
284	UED01.284	Võ Thị Hải	Yến	15/4/2002	Gia Lai	8,67	9,00	Đạt
285	UED01.285	Phan Võ Tiểu	Yến	22/7/2002	Đà Nẵng	6,00	7,50	Đạt

Ấn định danh sách này có 285 thí sinh, trong đó:

- Đạt: 259 thí sinh
- Không đạt: 19 thí sinh
- Vắng thi: 07 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS. TS. Võ Văn Minh